

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2521/QĐ-UBND

Bắc Kạn, ngày 23 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc quy định mức giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2022
trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Giá số 11/2012/QH13 ngày 20/6/2012;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi;

Căn cứ Nghị quyết số 94/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn về việc thông qua giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2021 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn;

Căn cứ Nghị quyết số 62/NQ-HĐND ngày 11/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn về Kỳ họp thứ 11 Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X, nhiệm kỳ 2021 - 2026;

Căn cứ Văn bản số 13288/BTC-QLG ngày 16/12/2022 của Bộ Tài chính về giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2022;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, tại Tờ trình số 254/TTr-SNN ngày 20/12/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định mức giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2022 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn như sau:

1. Biểu giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với đất trồng lúa:

TT	Biện pháp công trình	Mức giá (1.000 đồng/ha/vụ)
1	Tưới tiêu bằng động lực	1.811
2	Tưới tiêu bằng trọng lực	1.267
3	Tưới tiêu bằng trọng lực và kết hợp động lực hỗ trợ	1.539

a) Trường hợp tưới, tiêu chủ động một phần thì mức giá bằng 60% mức giá tại Biểu trên.

b) Trường hợp chỉ tạo nguồn tưới, tiêu bằng trọng lực thì mức giá bằng 40% mức giá tại Biểu trên.

c) Trường hợp chỉ tạo nguồn tưới, tiêu bằng động lực thì mức giá bằng 50% mức giá tại Biểu trên.

d) Trường hợp phải tạo nguồn từ bậc 2 trở lên đối với các công trình được xây dựng theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, mức giá được tính tăng thêm 20% so với mức giá tại Biểu trên.

đ) Trường hợp phải tách riêng mức giá cho tưới, tiêu trên cùng một diện tích thì mức giá cho tưới được tính bằng 70%, cho tiêu bằng 30% mức giá quy định tại Biểu trên.

2. Đối với diện tích trồng mạ, rau, màu, cây công nghiệp ngắn ngày kể cả cây vụ đông thì mức giá bằng 40% mức giá thu đối với đất trồng lúa.

3. Đối với cấp nước để chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản và cấp nước tưới cho cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, hoa và cây dược liệu được tính theo biểu sau:

TT	Các đối tượng dùng nước	Đơn vị	Mức giá cụ thể theo các biện pháp công trình	
			Bơm	Hồ, đập, kênh, cống
1	Cấp nước cho chăn nuôi	Đồng/m ³	1.320	900
2	Cấp nước để nuôi trồng thủy sản	Đồng/m ³	840	600
		Đồng/m ² mặt thoáng/năm	250	
3	Cấp nước tưới các cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, hoa và cây dược liệu	Đồng/m ³	1.020	840

Trường hợp cấp nước tưới cho cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, hoa và cây dược liệu nếu không tính được theo (m³) thì tính theo diện tích (ha), mức giá cụ thể bằng 80% mức giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với đất trồng lúa cho một năm theo quy định.

4. Giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi quy định tại Quyết định này là không có thuế giá trị gia tăng.

Điều 2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính theo chức năng nhiệm vụ được giao tổ chức thực hiện, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh các nội dung theo thẩm quyền, quy định; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và đơn vị được giao quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh căn cứ vào giá cụ thể được phê duyệt tổ chức thực hiện và thanh, quyết toán nguồn kinh phí đảm bảo theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Bắc Kạn; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các đơn vị quản lý, khai thác công trình thủy lợi; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đỗ Thị Minh Hoa